

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2016-2017 CỦA HUYỆN NHÀ BÈ

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 2)	Điểm sai lệch (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Chức danh nghề nghiệp đề nghị công nhận			
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc
1	Nguyễn Thị Ánh Xuân		29/07/1988	Đại học	GD Mầm non	152.80	198.00	350.80	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng II	V.07.02.04	I
2	Dương Thủy Vân		28/04/1994	Cao đẳng	GD Mầm non	156.00	194.00	350.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I
3	Võ Thị Thu Nga		09/01/1994	Trung cấp	SP Mầm Non	160.00	184.00	344.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
4	Phạm Thị Như Phương		14/12/1996	Trung cấp	SP Mầm Non	172.00	168.00	340.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
5	Phạm Thị Diễm Thanh		29/11/1990	Đại học	GD Mầm non	148.60	190.00	338.60	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng II	V.07.02.04	I
6	Hồ Trúc Thảo		26/02/1991	Cao đẳng	GD Mầm non	142.60	195.00	337.60	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I
7	Trần Thị Kim Ngân		02/03/1995	Trung cấp	SP Mầm Non	158.00	167.00	325.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
8	Nguyễn Thị Minh Thanh		03/02/1990	Trung cấp	GD Mầm non	138.00	183.00	321.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
9	Trần Thị Mông Hương		23/11/1995	Trung cấp	SP Mầm Non	180.00	138.50	318.50	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
10	Nguyễn Thị Thùy Trang		25/11/1987	Trung cấp	GD Mầm non	140.00	178.50	318.50	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
11	Phan Thị Ngọc Nghiêm		18/12/1993	Trung cấp	SP Mầm Non	150.00	164.50	314.50	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
12	Nguyễn Thị Lài		07/01/1985	Trung cấp	SP Mầm Non	140.00	167.00	307.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
13	Đặng Thùy Linh		25/04/1992	Trung cấp	GD Mầm non	144.60	160.00	304.60	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
14	Phạm Thị Như Thảo		02/10/1996	Trung cấp	SP Mầm Non	174.00	125.50	299.50	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
15	Bùi Thị Bích Hải		23/08/1994	Trung cấp	SP Mầm Non	166.00	133.00	299.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
16	Nguyễn Thị Kim Cúc		02/02/1994	Đại học	GD Mầm non	140.00	156.00	296.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng II	V.07.02.04	I
17	Võ Thị Ngọc Thảo		13/12/1995	Trung cấp	SP Mầm Non	156.00	128.00	284.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
18	Bùi Thị Ngọc Hà		30/10/1979	Trung cấp	SP Mầm Non	146.00	135.50	281.50	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
19	Phạm Thị Cẩm Tiên		30/05/1993	Cao đẳng	GD Mầm non	139.40	138.00	277.40	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I
20	Lê Thị Tuyết Hạnh		13/03/1987	Trung cấp	GD Mầm non	153.40	122.00	275.40	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
21	Nguyễn Thị Mỹ Trường		24/08/1981	Trung cấp	SP Mầm Non	144.00	131.00	275.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
22	Châu Thị Út		03/02/1987	Cao đẳng	GD Mầm non	130.20	138.00	268.20	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I
23	Nguyễn Thị Tuyết Mai		26/12/1990	Cao đẳng	GD Mầm non	136.60	126.50	263.10	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I
24	Võ Thị Thu Hương		13/02/1993	Cao đẳng	GD Mầm non	141.40	121.50	262.90	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I
25	Nguyễn Thị Huỳnh Lan		14/12/1995	Trung cấp	SP Mầm Non	144.00	111.00	255.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I
26	Phạm Thị Xuân Đào		07/03/1994	Đại học	GD Mầm non	146.20	96.50	242.70	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng II	V.07.02.04	I
27	Nguyễn Thị Thanh Hậu		17/06/1971	Cao đẳng	SP Mầm Non	132.20	98.50	230.70	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 2)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Chức danh nghề nghiệp đề nghị công nhận				
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc	Hệ số
28	Trần Ái Ngọc		01/01/1985	Trung cấp	SP Mầm Non	144.00	85.00	229.00	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I	1.86
29	Đỗ Thị Kim Lan		10/09/1993	Cao đẳng	GD Mầm non	144.20	83.50	227.70	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng III	V.07.02.05	I	2.10
30	Nguyễn Trần Tuyết Ngân		17/01/1996	Trung cấp	SP Mầm Non	138.00	84.50	222.50	Giáo viên Mầm non	Giáo viên Mầm non hạng IV	V.07.02.06	I	1.86
31	Nguyễn Thị Thu Thanh		08/10/1994	Cao đẳng	GD Tiểu học	162.80	184.00	346.80	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
32	Nguyễn Thị Ngọc Diễm		31/12/1994	Đại học	GD Tiểu học	164.20	177.00	341.20	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
33	Châu Thị Bích Thùy		16/07/1995	Cao đẳng	GD Tiểu học	157.40	172.00	329.40	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
34	Trịnh Thị Kiều Hiền		26/07/1993	Đại học	GD Tiểu học	160.20	169.00	329.20	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
35	Phan Thị Ngọc Nhi		23/05/1996	Trung cấp	SP Tiểu học	156.00	170.00	326.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I	1.86
36	Bùi Diệu Linh		25/06/1993	Cao đẳng	GD Tiểu học	164.40	160.50	324.90	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
37	Trần Thị Bảo Trang		22/06/1995	Cao đẳng	GD Tiểu học	159.80	162.00	321.80	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
38	Nguyễn Thị Sen		09/07/1984	Đại học	GD Tiểu học	138.40	181.50	319.90	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
39	Cao Thanh Tài	14/12/1994		Đại học	GD Tiểu học	152.40	167.00	319.40	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
40	Nguyễn Thị Thảo		24/04/1985	Cao đẳng	GD Tiểu học	138.60	180.00	318.60	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
41	Nguyễn Thị Ngọc Nguyệt		03/02/1972	Đại học	GD Tiểu học	137.60	179.00	316.60	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
42	Nguyễn Thị Thu Cúc		17/04/1995	Cao đẳng	GD Tiểu học	141.60	174.50	316.10	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
43	Nguyễn Lê Thanh Xuân		01/08/1991	Trung cấp	SP Tiểu học	162.00	154.00	316.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I	1.86
44	Nguyễn Thị Hanh		04/09/1994	Cao đẳng	GD Tiểu học	161.60	153.00	314.60	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
45	Lê Thị Xuân Lan		06/01/1978	Đại học	GD Tiểu học	134.80	177.00	311.80	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
46	Đinh Văn Hậu	26/06/1984		Đại học	GD Tiểu học	136.40	173.50	309.90	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
47	Lê Thị Kim Ngân		21/02/1988	Trung cấp	SP Tiểu học	170.00	137.50	307.50	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I	1.86
48	Lê Thị Kiều Nhi		10/11/1993	Đại học	GD Tiểu học	148.00	157.50	305.50	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
49	Nguyễn Thị Huệ		08/08/1991	Cao đẳng	GD Tiểu học	149.60	153.50	303.10	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
50	Đào Yến Vi		25/09/1996	Trung cấp	SP Tiểu học	158.00	143.00	301.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I	1.86
51	Nguyễn Thị Thanh Thủy		15/09/1994	Đại học	GD Tiểu học	152.60	148.00	300.60	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
52	Dương Thị Yên		10/09/1993	Đại học	GD Tiểu học	146.00	154.50	300.50	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
53	Nguyễn Thị Thanh Hương		02/10/1994	Trung cấp	SP Tiểu học	142.00	154.50	296.50	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I	1.86
54	Phùng Thị Thanh Trang		07/01/1994	Cao đẳng	GD Tiểu học	149.00	146.00	295.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I	2.10
55	Lê Thị Thu		09/11/1980	Đại học	GD Tiểu học	116.00	175.50	291.50	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
56	Lưu Thị Hương		22/10/1985	Đại học	GD Tiểu học	129.60	161.50	291.10	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
57	Bùi Thị Như Ngọc		08/04/1988	Đại học	GD Tiểu học	128.20	161.00	289.20	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34
58	Đậu Minh Tuấn	20/01/1976		Đại học	GD Tiểu học	124.80	160.50	285.30	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I	2.34

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 2)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Chức danh nghề nghiệp đề nghị công nhận			
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc
59	Nguyễn Thị Kim Thùy		08/11/1995	Trung cấp	SP Tiểu học	146.00	138.00	284.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
60	Trần Hạnh Uyên		18/04/1994	Trung cấp	SP Tiểu học	126.00	156.00	282.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
61	Trương Thị Cẩm Tiên		23/01/1996	Trung cấp	SP Tiểu học	146.00	133.50	279.50	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
62	Nguyễn Thu Hằng		17/05/1994	Cao đẳng	GD Tiểu học	140.60	138.50	279.10	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
63	Lê Thị Thảo		15/06/1995	Trung cấp	SP Tiểu học	144.00	134.50	278.50	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
64	Trần Thị Xiêm		25/02/1974	Đại học	GD Tiểu học	119.00	156.00	275.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
65	Phạm Nguyễn Kim Tuyền		28/12/1994	Trung cấp	SP Tiểu học	136.00	137.00	273.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
66	Lâm Thị Phương Loan		10/07/1991	Trung cấp	SP Tiểu học	168.00	102.00	270.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
67	Đường Thị Hải		18/08/1978	Đại học	GD Tiểu học	117.60	139.00	256.60	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
68	Bùi Hữu Thọ	10/01/1995		Trung cấp	GD Tiểu học	150.00	103.00	253.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
69	Phan Thị Thanh Huyền		30/05/1990	Đại học	GD Tiểu học	126.20	119.00	245.20	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
70	Phạm Thị Hồng Ngọc		07/10/1994	Trung cấp	SP Tiểu học	132.00	108.00	240.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
71	Trần Thị Yến Nhi		19/08/1996	Trung cấp	SP Tiểu học	142.00	91.00	233.00	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng IV	V.07.03.09	I
72	Nguyễn Thị Nhung		12/02/1980	Đại học	GD Tiểu học	110.80	101.50	212.30	GV. Tiểu học Nhiều môn	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
73	Đoàn Thị Phương Nhi		18/04/1993	Cao đẳng	SP Tiếng Anh	147.20	152.00	299.20	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
74	Võ Thị Ngọc Huyền		05/08/1993	Đại học	Ngôn ngữ Anh	133.40	139.60	273.00	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
75	Nguyễn Hồng Xinh		14/08/1991	Cao đẳng	Tiếng Anh	143.80	125.00	268.80	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
76	Huỳnh Thị Thủy An		24/11/1987	Đại học	SP Tiếng Anh	140.80	116.60	257.40	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
77	Trần Thanh Tùng	26/02/1988		Đại học	Ngữ văn Anh	131.20	114.00	245.20	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
78	Phạm Thị Kim Thanh		26/08/1995	Cao đẳng	SP Tiếng Anh	144.20	100.00	244.20	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
79	Nguyễn Thị Trang		15/03/1989	Đại học	Ngôn ngữ Anh	130.20	109.60	239.80	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
80	Vũ Ngọc Linh		31/10/1993	Cao đẳng	Tiếng Anh	134.00	101.60	235.60	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
81	Đỗ Thị Thu Hương		01/07/1989	Đại học	Tiếng Anh	103.60	116.00	219.60	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
82	Nguyễn Ngọc Lụa		25/06/1981	Đại học	Tiếng Anh	106.00	85.00	191.00	GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
83	Võ Thị Hồng Tươi		03/02/1995	Cao đẳng	SP Tiếng Anh	145.00	Vắng		GV. Tiểu học Tiếng Anh	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
84	Lê Vĩnh Phúc	30/06/1992		Đại học	QL TD Thể thao	144.00	186.00	330.00	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
85	Nguyễn Hiền Minh Việt	12/09/1985		Cao đẳng	GD Thể chất	143.80	149.50	293.30	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
86	Trần Thị Kim Quyên		18/03/1994	Đại học	GD Thể chất	150.20	135.50	285.70	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
87	Trần Thị Vui		09/12/1992	Cao đẳng	GD Thể chất	141.00	141.00	282.00	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
88	Nguyễn Hồng Linh	19/12/1989		Đại học	GD Thể chất	116.60	154.50	271.10	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Chức danh nghề nghiệp để nghị công nhận			
		Nam	Nữ					Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc
89	Nguyễn Huỳnh Minh Tâm	19/07/1994		Đại học	GD Thể chất	152.60	267.60	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
90	Nguyễn Quốc Thắng	14/04/1991		Cao đẳng	GD Thể chất	142.00	265.00	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
91	Trần Thị Kim Bình		13/04/1995	Cao đẳng	GD Thể chất	153.80	261.80	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
92	Nguyễn Trọng Hữu	07/05/1994		Đại học	GD Thể chất	126.00	247.50	GV. Tiểu học dạy Thể dục	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
93	Phạm Như Ngọc	03/08/1991		Cao đẳng	Công nghệ thông tin	180.00	358.00	GV. Tiểu học dạy Tin học	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
94	Trần Lý Minh	25/07/1991		Cao đẳng	Công nghệ thông tin	171.00	334.00	GV. Tiểu học dạy Tin học	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
95	Lê Thị Nhân		15/10/1989	Cao đẳng	SP Tin-Toán	116.20	255.20	GV. Tiểu học dạy Tin học	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
96	Nguyễn Thị Minh Châu		04/06/1990	Cao đẳng	Tin học	122.80	253.80	GV. Tiểu học dạy Tin học	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
97	Nguyễn Phước Định Tiến	16/04/1991		Đại học	Công nghệ thông tin	101.00	241.00	GV. Tiểu học dạy Tin học	Giáo viên Tiểu học hạng II	V.07.03.07	I
98	Nguyễn Thị Duyên An		05/03/1994	Cao đẳng	SP Mỹ Thuật	142.00	297.50	GV. Tiểu học Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
99	Nguyễn Anh Tuấn	18/10/1985		Cao đẳng	SP Mỹ thuật-Âm nhạc	123.80	277.30	GV. Tiểu học Mỹ thuật	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.08	I
100	Nguyễn Thị Quyên		29/01/1991	Đại học	SP Ngữ văn	148.80	323.30	GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
101	Hà Thị Hồng		24/05/1991	Đại học	SP Ngữ văn	164.60	310.10	GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
102	Ngô Hoàng Thu Thảo		27/05/1992	Đại học	SP Ngữ văn	143.60	298.60	GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
103	Trần Thị Bé		12/08/1988	Đại học	SP Ngữ văn	144.80	277.80	GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
104	Hà Thị Hạnh		05/05/1993	Đại học	Văn học	145.80	274.80	GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
105	Phan Thị Quý Như		11/09/1993	Cao đẳng	SP Ngữ văn	131.80	259.30	GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	I
106	Hoàng Tùng Lâm		02/10/1993	Đại học	SP Ngữ văn	154.00	238.50	GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
107	Nguyễn Thị Thu Hà		07/07/1977	Đại học	SP Ngữ văn	133.80		GV. THCS môn Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
108	Đoàn Văn Hớn	20/03/1992		Đại học	SP Lịch sử	141.80	310.30	GV. THCS môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
109	Trần Thị Kim Thúy		14/08/1995	Cao đẳng	SP Lịch sử	141.60	299.60	GV. THCS môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	I
110	Bùi Đình Huy	05/10/1990		Đại học	SP Lịch sử	143.60	283.60	GV. THCS môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
111	Phạm Thị Nhung		15/09/1994	Đại học	SP Lịch sử	139.80	281.30	GV. THCS môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
112	Bùi Thị Mai Hương		26/03/1993	Đại học	SP Lịch sử	143.40	236.40	GV. THCS môn Lịch sử	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
113	Bùi Thị Phương Thảo		25/03/1993	Đại học	Ngôn ngữ Anh	147.40	270.00	GV. THCS Tiếng Anh	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
114	Lý Kim Ngân		10/10/1982	Thạc sĩ	LT XS TK Toán học	174.00	345.50	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2
115	Phạm Thị Phương Nhung		27/11/1989	Thạc sĩ	Toán Ứng dụng	166.40	332.40	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	2
116	Lê Thị Cương		20/05/1992	Đại học	Toán-Tin	149.40	323.40	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
117	Đặng Hoàng Phi	01/12/1994		Đại học	Toán ứng dụng	140.00	308.50	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I
118	Lã Thị Thanh Xuân		20/11/1992	Đại học	SP Toán học	138.40	302.40	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 2)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Chức danh nghề nghiệp đề nghị công nhận			
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Bậc
119	Kiều Văn Trung	30/10/1985		Đại học	SP Toán-Lý	144.60	148.00	292.60	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
120	Bùi Thị Tháo		01/12/1991	Đại học	SP Toán	154.40	106.50	260.90	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	I 2.10
121	Đỗ Thị Thủy		11/05/1987	Đại học	SP Toán học	143.00	116.00	259.00	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
122	Hoàng Thị Thu Phương		25/10/1986	Đại học	SP Toán	155.20	98.00	253.20	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
123	Trần Đình Thắng	02/03/1990		Đại học	SP Toán	136.20	114.00	250.20	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
124	Trần Thị Minh Thao		03/10/1991	Đại học	Toán-Tin	127.40	120.00	247.40	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
125	Lê Minh Tiến	20/04/1988		Đại học	Toán học	115.00	130.50	245.50	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
126	Đỗ Anh Tuấn	01/02/1987		Cao đẳng	SP Toán	124.20	119.00	243.20	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	I 2.10
127	Đào Thị Kỳ Diệu		18/02/1993	Cao đẳng	SP Toán học	151.00	92.00	243.00	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
128	Trần Thị Thu Trang		30/07/1990	Đại học	Toán học	132.40	102.00	234.40	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
129	Phạm Thị Hằng		12/10/1981	Đại học	Toán Học	121.20	98.00	219.20	GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
130	Bùi Thị Ngân		12/06/1995	Cao đẳng	SP Toán	164.20	Vắng		GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
131	Trương Thị Hồng		10/06/1993	Đại học	SP Toán học	157.20	Vắng		GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	I 2.10
132	Đỗ Thị Ánh Tuyết		20/10/1994	Cao đẳng	SP Toán học	155.60	Vắng		GV. THCS môn Toán	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
133	Nguyễn Thị Ngọc Hằng		12/08/1989	Đại học	SP Vật lý	139.60	158.00	297.60	GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
134	Lê Thị Ngọc Lan		05/01/1994	Đại học	Vật lý học	147.80	146.00	293.80	GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
135	Vũ Thị Kiều Trang		07/03/1991	Đại học	Vật lý	143.40	148.00	291.40	GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
136	Hồ Minh Nhựt	22/11/1994		Đại học	SP Vật lý	149.80	117.50	267.30	GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
137	Trần Thị Hằng		05/08/1990	Đại học	Vật lý học	129.80	129.50	259.30	GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
138	Nguyễn Minh Hải	11/09/1990		Đại học	SP Vật lý	135.80	108.00	243.80	GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
139	Hoàng Phúc Vinh	16/03/1991		Đại học	SP Vật lý	127.40	111.00	238.40	GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
140	Trịnh Thị Bé Chính		18/03/1987	Đại học	SP Vật lý	137.20	Vắng		GV. THCS môn Vật lý	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
141	Lưu Thị Hiền		08/05/1990	Đại học	SP Hóa học	172.20	155.00	327.20	GV. THCS môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
142	Trần Thị Hằng		19/09/1991	Đại học	SP Hóa học	144.20	153.00	297.20	GV. THCS môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
143	Phạm Thị Huệ		10/10/1989	Thạc sĩ	LL&PP dạy môn Hóa học	143.60	145.00	288.60	GV. THCS môn Hóa học	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
144	Trần Thị Văn Anh		05/12/1992	Đại học	SP Sinh-Hóa	159.00	154.00	313.00	GV. THCS môn Sinh vật	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
145	Nguyễn Thị Duyên		27/07/1992	Đại học	SP Sinh học	146.20	124.50	270.70	GV. THCS môn Sinh vật	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
146	Phạm Thị Hoa		01/02/1994	Đại học	SP Sinh học	154.40	Vắng		GV. THCS môn Sinh vật	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
147	Nguyễn Thị Trúc Phương		26/12/1989	Đại học	KT Nữ công	147.40	140.50	287.90	GV. THCS KT Nữ công	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
148	Nguyễn Quốc Thịnh	15/11/1994		Đại học	GD Thể chất	150.60	112.00	262.60	GV. THCS môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34
149	Lê Minh Giang	04/03/1989		Đại học	GD Thể chất	126.40	120.50	246.90	GV. THCS môn Thể dục	Giáo viên THCS hạng II	V.07.04.11	I 2.34

Số TT	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh		Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Điểm tốt nghiệp (Hệ số 2)	Điểm sát hạch (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Chức danh nghề nghiệp đề nghị công nhận			
		Nam	Nữ						Vị trí đăng ký dự tuyển	Tên chức danh nghề nghiệp	Mã số	Hệ số
150	Trình Kim Diên	10/02/1991		Cao đẳng	Biểu diễn nhạc cụ phương Tây	145.00	142.00	287.00	GV. THCS môn Âm nhạc	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1
151	Nguyễn Đăng Khương	27/08/1991		Cao đẳng	Công nghệ thông tin	129.60	179.00	308.60	GV. THCS môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1
152	Nguyễn Thanh An	14/02/1992		Cao đẳng	Công nghệ thông tin	134.20	146.50	280.70	GV. THCS môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1
153	Phạm Thị Thu Hằng		20/03/1989	Cao đẳng	Tin học	141.60	125.00	266.60	GV. THCS môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1
154	Nguyễn Minh Thủy		05/12/1994	Cao đẳng	Công nghệ thông tin	119.00	121.50	240.50	GV. THCS môn Tin học	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	1

Tổng cộng danh sách có 110 người./.

Thư ký



Trần Thị Dung

Nhà Bè, ngày 25 tháng 10 năm 2016

CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH UBND HUYỆN

Bùi Hòa An